

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-PT

Ngày: 22-01-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Phạm Thị Hồng Vân;

Trương Thị Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 242/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; cư trú tại: Số A1, đường Nguyễn Chí T, khu phố A2, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; cùng trú tại: Tổ 13, ấp TP, xã TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1990; cư trú tại: Số A1, đường Nguyễn Chí T, khu phố A2, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn, ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Vào ngày 08/8/2016, bà B có cho bà T, ông T vay số tiền 100.000.000 đồng. Ông T có viết cho bà B “Giấy mượn nợ” và ông T, bà T có ký tên xác nhận số nợ 100.000.000 đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/01 tháng, thời hạn trả là 30 ngày tức là 01 tháng sau kể từ ngày vay. Mục đích vay tiền của ông T, bà T dùng để lấy vốn làm ăn. Nhưng từ ngày vay đến nay bà ông T, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà B yêu cầu ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T trả cho bà số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 08/8/2016 đến khi giải quyết xong vụ án, với mức lãi suất 1%/1 tháng. Cụ thể: $100.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/1 \text{ tháng} \times 25 \text{ tháng} = 25.900.000 \text{ đồng}$.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 08/8/2016, bà và ông T có vay tiền của bà B 100.000.000 đồng và ông bà có ký tên xác nhận nợ vào giấy “Giấy mượn nợ” do người nào viết bà không nhớ rõ. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/01 tháng, mỗi tháng bà và ông T trả cho bà B 3.000.000 đồng tiền lãi, bà và ông T đã trả cho bà B được 18 tháng tiền lãi là 54.000.000 đồng. Nhưng khi trả tiền lãi giữa ông bà và bà B không làm gì tờ gì. Mục đích vay tiền của ông bà để lấy vốn làm ăn.

Đến khoảng đầu năm 2018, do ông T bị bệnh không đi làm được nên ông bà không có khả năng trả tiếp tiền lãi cho bà B. Sau đó bà B có yêu cầu ông bà tham gia góp hụi do con bà B là Phạm Thị Thu H làm chủ hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, 01 tháng mở 01 lần, hụi mở vào ngày tháng nào bà không nhớ, bà chỉ nhớ là khoảng đầu năm 2018, bà B yêu cầu bà lĩnh ở kỳ đầu, tự chị H và bà B mở hụi, tiền lĩnh hụi được 113.150.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, còn 110.650.000 đồng, trừ tiền nợ bà B 100.000.000 đồng, còn lại 10.650.000 đ, trừ tiếp tiền lãi 4 tháng 7 ngày do bà B tính là 13.000.000 đồng, chốt lại ông T, bà T còn nợ bà B 2.850.000 đồng, bà có giữ giấy tính tiền hụi do chị H tự tính và đưa cho vợ chồng bà, bà xác nhận bà không nhận được tiền của chị H từ việc lĩnh hụi, hai bên chỉ tính trên giấy thôi vì đã trừ qua số nợ 100.000.000 đồng của bà B, bà và ông T đã nhiều lần yêu cầu bà B trả “Giấy mượn nợ” của số nợ 100.000.000 đồng nhưng bà B không trả cho bà mà báo với bà “Giấy mượn nợ” đã bị thất lạc. Đối với phần tiền hụi của chị H, ông T bà T đã trả được 02 kỳ hụi là 10.000.000 đồng nhưng do bà B không trả lại ông bà “Giấy mượn nợ” nên ông bà ngưng không trả tiền hụi cho chị H nữa.

Bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà B, bà chỉ đồng ý cùng ông T có trách nhiệm trả cho bà B số tiền 66.000.000 đồng sau khi đã khấu trừ 54.000.000 đồng tiền lãi bà đã trả.

Bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về việc vay tiền của bà B và việc tham gia góp hụi của chị H. Ông thừa nhận ông trực tiếp viết “Giấy mượn nợ” và có ký tên xác nhận nợ với bà B, ông có ký vào giấy nợ tuy nhiên ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà B, ông chỉ đồng ý cùng bà T có trách nhiệm trả cho bà B số tiền 66.000.000 đồng.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 37/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền nợ gốc 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Ghi nhận bà Nguyễn Thị B không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T và bà T phải trả cho bà B số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, bị đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng sửa bản án sơ thẩm vì lý do ông bà không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng mà chỉ trả số nợ gốc 66.000.000 đồng sau khi đã trừ tiền lãi 54.000.000 đồng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông T có đơn kháng cáo, Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng ông T vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền kháng cáo, căn cứ Điều 296 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông T.

[2] Xét kháng cáo của Bà T: Hai bên đương sự thừa nhận ngày 08/8/2016 bà B có cho bà T, ông T vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất vay 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng.

[3] Bà B cho rằng từ khi vay, vợ chồng bà T không trả cho bà số tiền gốc và lãi nào, còn bà T cho rằng đã trả tiền lãi đầy đủ và trả nợ gốc bằng tiền hót hụi của chị H là con gái bà B.

[4] Xét thấy, bà B, bà T đều xác định, do bà T gặp khó khăn không có tiền trả nợ nên bà T, bà B và chị H cùng thống nhất chị H cho bà T tham gia 01 phần hụi trong dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 30/12/2017 để bà T trả nợ vay 100.000.000 đồng cho bà B, số tiền nợ hụi bà T sẽ trả mỗi tháng 5.000.000 đồng.

[5] Thực hiện thỏa thuận trên, chị H đã ghi tên bà T tham gia hội và bà T hót hội vào kỳ đầu tiên được số tiền 113.150.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng còn 110.650.000 đồng. Chị H, bà B cho rằng khi đăng hội, chị H không giao tiền hội cho bà B mà giao cho bà T nhưng bà T không trả tiền vay cho bà B là không hợp lý vì giữa các bên đã có sự thống nhất chuyển giao dịch vay của bà B sang giao dịch hội với chị H và thực tế các bên đã thực hiện; khi đăng hội, chị H ghi giấy tính tiền hội cho bà T trong đó có ghi nội dung trừ gốc 100.000.000 đồng, lãi 13.000.000 đồng, kết quả còn lại là -2.850.000 đồng; các giấy tờ do chị H cung cấp đều phù hợp với lời trình bày của bà T. Nay chị H, bà B cho rằng chị H chỉ viết dùm bà T giấy tính tiền hội là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Mặt khác, bà B cho rằng bà T nhiều lần hứa bán tài sản để trả nợ nhưng khi bán tài sản xong bà T không thực hiện việc trả nợ cho bà thể hiện bà T nhiều lần vi phạm cam kết với bà B nên việc chị H là con ruột của bà đăng hội cho bà T nhưng bà không nhận tiền là không phù hợp với thực tế.

[7] Bà T cho rằng đã trả lãi cho bà B số tiền 54.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Bà T thừa nhận còn nợ bà B tiền lãi là 2.850.000 đồng và đồng ý trả nên ghi nhận.

[8] Cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy nợ bà B còn giữ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B là chưa xem xét đầy đủ các tình tiết khách quan của vụ án. Lẽ ra cấp sơ thẩm cần nhập vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp hội” giữa chị H và bà T, ông T vào vụ án này mới xem xét được đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án, vấn đề này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ; có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông bà T, sửa bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm bà B phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Lê Văn T.

Chấp nhận kháng cáo bà Nguyễn Thị T, sửa bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B yêu cầu ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T trả số tiền vay 100.000.000 đồng.

Ghi nhận ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 2.850.000 (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông T, bà T còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0005452 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Bà B còn phải nộp thêm 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T không phải chịu và được nhận lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0005737 ngày 22/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Tân Biên;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai